

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
Các quyết định do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép kinh doanh 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 15 tháng 10 năm 2009. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Võ Hiến	Thành viên
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Hoàng Thị Thảo	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Lê Điền	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010)

Trụ sở đăng ký 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 18 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-236

Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		245.185.119.780	198.127.030.774
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	13.741.019.930	44.870.931.665
Đầu tư ngắn hạn	120	4	36.127.095.400	35.631.232.088
Đầu tư ngắn hạn	121		49.090.316.928	52.920.232.088
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.906.965.760	107.316.124.748
Phải thu thương mại	131	5	19.002.865.773	12.315.909.336
Trả trước cho người bán	132	6	145.796.801.016	50.858.139.326
Các khoản phải thu khác	135	7	22.107.298.971	53.035.117.618
Dự phòng phải thu khó đòi	139	8	-	(8.893.041.532)
Hàng tồn kho	140	9	5.060.331.163	7.762.208.117
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.349.707.527	2.546.534.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		138.532.726	276.030.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		308.071.359	982.404.156
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		59.524.442	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.843.579.000	1.288.100.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		1.273.422.566.530	1.195.720.783.652
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.345.621.247	5.906.653.139
Các khoản phải thu khác	218		4.345.621.247	5.906.653.139
Tài sản cố định	220		394.325.714.869	325.493.635.341
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.029.379.210	4.602.055.814
<i>Nguyên giá</i>	222		10.660.793.925	10.319.663.198
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.631.414.715)	(5.717.607.384)
Tài sản cố định vô hình	221	11	45.534.272.700	45.739.710.372
<i>Nguyên giá</i>	222		47.084.099.490	46.648.229.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.549.826.790)	(908.519.118)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	344.762.062.959	275.151.869.155
Bất động sản đầu tư	240	13	96.391.944.455	97.802.040.681
<i>Nguyên giá</i>	241		115.808.292.204	113.259.450.328
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(19.416.347.749)	(15.457.409.647)
Đầu tư dài hạn	250	14	763.364.701.768	754.986.602.823
Đầu tư vào công ty con	251		125.236.222.000	106.960.467.883
Đầu tư vào công ty liên kết	252		223.800.194.279	220.860.194.279
Đầu tư dài hạn khác	258		459.159.303.316	517.266.465.887
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(44.831.017.827)	(90.100.525.226)
Tài sản dài hạn khác	260		14.994.584.191	11.531.851.668
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.885.383.091	120.913.381
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	11.771.701.100	10.902.658.287
Tài sản dài hạn khác	268		1.337.500.000	508.280.000
TỔNG TÀI SẢN	270		1.518.607.686.310	1.393.847.814.426

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		872.956.127.008	754.177.126.878
Nợ ngắn hạn	310		389.968.441.209	161.118.584.506
Vay ngắn hạn	311	16	245.801.391.579	72.483.112.000
Phải trả thương mại	312		2.351.587.714	2.594.170.421
Người mua trả tiền trước	313		637.254.784	711.306.821
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	10.635.913.181	9.718.321.664
Phải trả người lao động	315		29.494.880.550	31.307.460.190
Chi phí phải trả	316	18	10.329.524.697	5.232.545.239
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	86.082.769.159	39.071.668.171
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	4.635.119.545	-
Vay và nợ dài hạn	330		482.987.685.799	593.058.542.372
Nợ dài hạn khác	333	21	110.688.392.021	138.244.946.276
Vay dài hạn	334	22	217.741.830.000	297.008.010.954
Doanh thu chưa thực hiện	336	23	154.557.463.778	157.805.585.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		645.651.559.302	639.670.687.548
Vốn chủ sở hữu	410		645.651.559.302	634.801.842.318
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	24	(690.474.358)	(16.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		14.731.614.307	14.731.614.307
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.218.459.791	5.218.459.791
Lợi nhuận chưa phân phối	420		59.371.371.259	47.831.195.917
Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		-	4.868.845.230
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	4.868.845.230
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.518.607.686.310	1.393.847.814.426

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởngNguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	25	190.697.616.483	157.752.251.591
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(74.584.806)	(126.983.050)
Doanh thu thuần	10	25	190.623.031.677	157.625.268.541
Giá vốn hàng bán	11	26	(134.686.834.325)	(81.997.193.465)
Lợi nhuận gộp	20		55.936.197.352	75.628.075.076
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	63.526.069.234	34.947.191.343
Chi phí tài chính	22	28	(37.844.849.727)	(36.053.660.901)
Chi phí bán hàng	24		(2.653.250.279)	(1.914.316.281)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(26.824.926.163)	(36.966.014.638)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.139.240.417	35.641.274.599
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	29	8.622.797.715	3.413.331.469
Chi phí khác	32		(847.489.865)	(957.496.474)
Lợi nhuận trước thuế	50		59.914.548.267	38.097.109.594
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(5.358.816.548)	(9.515.792.465)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	869.042.813	(2.021.867.197)
Lợi nhuận thuần	60		55.424.774.532	26.559.449.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.218	1.266

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	14.731.614.307	5.218.459.791	52.204.769.222	5.584.990.650	458.681.787.693
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	26.559.449.932	-	26.559.449.932
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	(1.787.118.490)	1.787.118.490	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.503.263.910)	(2.503.263,910)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	14.731.614.307	5.218.459.791	47.831.195.917	4.868.845.230	639.670.687.548
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(690.458.358)	-	-	-	-	(690.458.358)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	55.424.774.532	-	55.424.774.532
Phân loại lại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	(4.868.845.230)	(4.868.845.230)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.604.490.192)	-	(5.604.490.192)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	(37.483.325.500)	-	(37.483.325.500)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(796.783.498)	-	(796.783.498)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	14.731.614.307	5.218.459.791	59.371.371.259	-	645.651.559.302

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã	Thuyết	2010	2009
	số	minh	VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		59.914.548.267	38.097.109.594
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.514.053.105	4.826.326.585
Các khoản dự phòng	03		(39.695.285.871)	(21.071.364.309)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản	05		(3.032.215.099)	1.450.977.100
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	135.321.454
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(23.848.916.913)	(24.807.945.480)
Lỗ từ hoạt động đầu tư khác	05		22.592.172.160	23.376.846.420
Chi phí lãi vay	06		43.338.721.673	31.893.430.766
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.783.077.322	53.900.702.130
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(82.397.540.142)	(14.058.592.973)
Biến động hàng tồn kho	10		2.701.876.954	(4.139.990.250)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		20.767.704.217	32.973.692.772
			(5.855.118.351)	68.675.811.679
Tiền lãi vay đã trả	13		(40.193.822.842)	(35.347.939.142)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.237.419.136)	(7.416.679.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.634.999.375)	(3.039.399.457)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(50.211.123.002)	22.871.793.905

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

(tiếp theo)

	Mã	Thuyết	2010	2009
	số	minh	VNĐ	VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(74.859.256.008)	(33.036.931.880)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.797.040.000	545.454.540
Biến động tài sản dài hạn khác			(1.032.657.818)	1.333.914.756
Tiền thu thuần từ kinh doanh chứng khoán			90.611.108.000	5.478.152.130
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(81.223.561.846)	(105.011.621.614)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		25.852.442.672	18.178.090.042
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(36.854.885.000)	(112.512.942.026)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu (Mua lại)/phát hành cổ phiếu quỹ	31		-	177.435.666.580
	32		(690.458.358)	8.642.952.000
Tiền thu từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	33		337.245.527.299	82.800.857.370
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(343.193.428.674)	(128.788.919.528)
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	33		100.000.000.000	-
Tiền trả cổ tức	36		(37.425.544.000)	(16.655.539.000)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		55.936.096.267	123.435.017.422

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(31.129.911.735)	33.793.869.301
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44.870.931.665	11.077.062.364
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	13.741.019.930	44.870.931.665

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, cung cấp dịch vụ taxi;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như thương mại và dịch vụ, bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng và bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 140 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 128 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các báo cáo tài chính này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con, liên doanh và liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó bao gồm báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Công ty với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán có giao dịch phổ biến trên thị trường được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái và hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Khấu hao của các bất động sản khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 36 năm

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỉ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh sự đánh giá hiện tại của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.016.767.510	995.753.349
Tiền gửi ngân hàng	12.724.252.420	6.875.178.316
Các khoản tương đương tiền	-	37.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	13.741.019.930	44.870.931.665
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 14 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 55 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ Cổ phiếu niêm yết	20.886.466.928	24.716.382.088
▪ Cổ phiếu OTC	28.203.850.000	28.203.850.000
	<hr/>	<hr/>
	49.090.316.928	52.920.232.088
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(12.963.221.528)	(17.289.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	36.127.095.400	35.631.232.088
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	17.289.000.000	20.528.941.608
Hoàn nhập	(4.435.778.472)	(3.239.941.608)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	12.963.221.528	17.289.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư ngắn hạn với nguyên giá 13.294 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 7.800 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

5. Phải thu thương mại

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 11.627 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 4.778 triệu VND).

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 115.327 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 48.030 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

7. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 17.668 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 32.107 triệu VNĐ).

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	8.893.041.532	59.286.805
Tăng dự phòng trong năm	-	8.833.754.727
Sử dụng dự phòng trong năm	(8.893.041.532)	-
Số dư cuối năm	-	8.893.041.532

9. Hàng tồn kho

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vật tư	22.528.761	52.088.606
Hàng hóa	5.037.802.402	7.710.119.511
	5.060.331.163	7.762.208.117

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.030.443.103	2.350.066.301	2.939.153.794	10.319.663.198
Tăng trong năm	-	341.130.727	-	341.130.727
Số dư cuối năm	5.030.443.103	2.691.197.028	2.939.153.794	10.660.793.925
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.653.519.397	1.348.016.952	1.716.071.035	5.717.607.384
Khấu hao trong năm	213.858.276	340.866.599	359.082.456	913.807.331
Số dư cuối năm	2.867.377.673	1.688.883.551	2.075.153.491	6.631.414.715
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.376.923.706	1.002.049.349	1.223.082.759	4.602.055.814
Số dư cuối năm	2.163.065.430	1.002.313.477	864.000.303	4.029.379.210

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 2.193 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.829 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 2.163 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.672 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	32.014.175.190	-	46.648.229.490
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	435.870.000	435.870.000
Số dư cuối năm	14.634.054.300	32.014.175.190	435.870.000	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	908.519.118	-	908.519.118
Khấu hao trong năm	-	641.307.672	-	641.307.672
Số dư cuối năm	-	1.549.826.790	-	1.549.826.790
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	31.105.656.072	-	45.739.710.372
Số dư cuối năm	14.634.054.300	30.464.348.400	435.870.000	45.534.272.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.098 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	275.151.869.155	250.500.312.052
Tăng trong năm	74.518.125.281	32.130.417.298
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.548.841.876)	(5.882.581.928)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(435.870.000)	-
Chuyển sang đầu tư dài hạn	(1.158.394.700)	(818.300.400)
Thanh lý	(764.824.901)	(695.485.207)
Xóa sổ	-	(82.492.660)
Số dư cuối năm	344.762.062.959	275.151.869.155

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 293.039 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
Tăng trong năm	31.896.275.364	651.913.765	32.548.189.129
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.548.841.876	2.548.841.876
Thanh lý	(31.896.275.364)	(651.913.765)	(32.548.189.129)
Số dư cuối năm	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	15.457.409.647	15.457.409.647
Khấu hao trong năm	-	3.958.938.102	3.958.938.102
Số dư cuối năm	-	19.416.347.749	19.416.347.749
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư cuối năm	57.306.554.900	39.085.389.555	96.391.944.455

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 4.893 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 78.115 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

14. Đầu tư dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
▪ Các công ty con	125.236.222.000	106.960.467.883
▪ Các công ty liên kết	223.800.194.279	220.860.194.279
Trái phiếu kho bạc dài hạn	-	150.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	459.159.303.316	517.116.465.887
	<hr/>	<hr/>
	808.195.719.595	845.087.128.049
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(44.831.017.827)	(90.100.525.226)
	<hr/>	<hr/>
	763.364.701.768	754.986.602.823
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các đơn vị khác (niêm yết và không niêm yết).

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010	2009
Số dư đầu năm	90.100.525.226	116.765.702.654
Hoàn nhập	(35.369.507.399)	(26.665.177.428)
Xóa sổ	(9.900.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	44.831.017.827	90.100.525.226
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các khoản đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 20.571 triệu VNĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 138.724 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: lần lượt là 13.713 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các công ty con					
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%	8.328.000.000	6.952.245.883
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%	9.248.504.000	9.248.504.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM-DAEWOO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico Iagripo (Savico-R)	Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Kinh doanh số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006 và ngày 12 tháng 10 năm 2007.	99%	-	9.900.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh vào ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%	56.000.000.000	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe chở hàng, thiết bị điện, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, đại lý bảo hiểm.	Giấy phép Kinh doanh số 0401337755 do Sở Kế hoạch và đầu tư cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%	25.309.668.000	25.309.668.000
				125.236.222.000	106.960.467.883

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	% vốn sở hữu	Số tiền	
				31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các công ty liên kết					
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (SYM)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ Phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	3.221.600.000	3.221.600.000
Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	31.750.000.000	31.750.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Xây dựng dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.526.885.279	1.526.885.279

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

15. Tài sản thuế hoãn lại

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Lỗ tính thuế mang sang	3.669.871.746	10.343.542.460
Chi phí trích trước	566.532.632	559.115.827
Doanh thu chưa thực hiện	7.535.296.722	-
	<hr/>	<hr/>
	11.771.701.100	10.902.658.287
	<hr/>	<hr/>

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn có đảm bảo	147.690.279.579	1.807.919.000
Vay ngắn hạn không có đảm bảo	1.800.000.000	35.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	149.490.279.579	36.807.919.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 22)	96.311.112.000	35.675.193.000
	<hr/>	<hr/>
	245.801.391.579	72.483.112.000
	<hr/>	<hr/>

Vay ngắn hạn có đảm bảo bởi tài sản cố định vô hình và đầu tư dài hạn với giá trị lần lượt là 14.634 triệu VNĐ và 60.749 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: đảm bảo bằng đầu tư ngắn hạn và dài hạn có giá trị lần lượt là 7.800 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,6% đến 19% (2009: 3,6% đến 12%) một năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

17. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.884.680.182	11.818.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.058.816.548	8.937.419.136
Thuế thu nhập cá nhân	692.416.451	769.083.978
	<hr/>	<hr/>
	10.635.913.181	9.718.321.664
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	3.843.190.800	698.291.969
Chi phí thuê	1.862.681.986	2.442.681.389
Phí kiểm toán	316.875.000	660.123.750
Chi phí khác	4.306.776.911	1.431.448.131
	<hr/>	<hr/>
	10.329.524.697	5.232.545.239
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19. Phải trả khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Cổ tức phải trả	12.912.218.700	12.854.437.200
Phải trả cho các bên liên quan (a)	30.000.000.000	537.738.900
Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba (b)	25.000.000.000	20.000.000.000
Trả thay các bên liên quan	15.000.000.000	-
Khác	3.170.550.459	5.679.492.071
	<hr/>	<hr/>
	86.082.769.159	39.071.668.171
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- a. Trong phải trả các công ty liên quan có 20.000 triệu VNĐ không chịu lãi và 10.000 triệu VNĐ chịu lãi suất 14% (2009: Không) mỗi năm.
- b. Hỗ trợ vốn từ bên thứ ba có lãi suất năm dao động từ 10,5% đến 14% (2009: 10,5% mỗi năm).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2009 VNĐ
Phân loại lại từ nguồn kinh phí sự nghiệp	4.868.845.230
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	5.604.490.192
Sử dụng quỹ trong năm	(5.838.215.877)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.635.119.545
	<hr/>

21. Nợ dài hạn khác

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ dài hạn nhận được	12.250.324.630	10.011.121.947
Phải trả dài hạn khác	98.438.067.391	128.233.824.329
	<hr/>	<hr/>
	110.688.392.021	138.244.946.276
	<hr/>	<hr/>

Phải trả dài hạn khác thể hiện số tiền nhận góp vốn cho các dự án bất động sản.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

22. Vay dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn		
• Vay dài hạn có đảm bảo	179.617.942.000	49.537.878.075
• Vay dài hạn không có đảm bảo	34.435.000.000	283.145.325.879
	<hr/>	<hr/>
	214.052.942.000	332.683.203.954
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	314.052.942.000	332.683.203.954
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh số 16)	(96.311.112.000)	(35.675.193.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	217.741.830.000	297.008.010.954
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Vay dài hạn có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị là 335.882 triệu VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2009: 305.624 triệu VNĐ).

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất dao động từ 10,5% đến 20,5% (2009: từ 10,5% đến 14,1%) một năm.

Trái phiếu dài hạn được phát hành vào tháng 7 năm 2010 theo mệnh giá. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào tháng 7 năm 2015 và được hoàn trả theo mệnh giá. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị ghi sổ 179.739 triệu VNĐ, và chịu lãi suất năm là 15,5%.

Thời hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	96.311.112.000	35.675.193.000
Từ hai đến năm năm	102.988.000.000	222.567.125.954
Trên năm năm	14.753.830.000	74.440.885.000
	<hr/>	<hr/>
	214.052.942.000	332.683.203.954
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

23. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản doanh thu từ dịch vụ bất động sản đầu tư.

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần đã được duyet	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(1)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.239.642	24.995.572	249.955.714.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723
Cổ phiếu đã phát hành	-	-	4.634.533	46.345.330.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	(20.065)	(690.458.358)	-	-
Cổ phiếu quỹ tái phát hành	-	-	221.060	3.544.730.277
Số dư cuối năm	24.975.507	249.265.255.642	24.995.572	249.955.714.000

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu quỹ thu về 8.642.952.000 VNĐ, với số tiền vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Khoản này được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông cũ và mới. Khoản thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 131.090.336.580 VNĐ được ghi nhận là phần thặng dư vốn cổ phần trong phần vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	84.942.738.456	65.401.457.067
▪ Dịch vụ	51.791.422.708	16.229.334.220
▪ Dịch vụ bất động sản đầu tư	53.963.455.319	76.121.460.304
	<hr/>	<hr/>
	190.697.616.483	157.752.251.591
Các khoản giảm trừ doanh thu	(74.584.806)	(126.983.050)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	190.623.031.677	157.625.268.541
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Hàng hóa đã bán	78.875.699.471	59.385.617.675
Dịch vụ đã cung cấp	19.324.007.623	18.007.967.827
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.958.938.102	3.152.630.863
Giá vốn bất động sản đầu tư	32.528.189.129	1.450.977.100
	<hr/>	<hr/>
	134.686.834.325	81.997.193.465
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	2.499.671.743	976.766.029
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	9.705.311.000	10.135.681.200
Thu nhập từ các khoản đầu tư khác	29.859.559.115	-
Cổ tức	21.349.245.170	23.831.179.451
Lãi chênh lệch tỷ giá	112.282.206	3.564.663
	<hr/> 63.526.069.234	<hr/> 34.947.191.343

28. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	43.338.721.673	31.893.430.766
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	32.297.483.160	33.512.527.620
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(39.695.285.871)	(29.905.119.036)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	1.669.681.988	480.019.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá	234.248.777	72.802.113
	<hr/> 37.844.849.727	<hr/> 36.053.660.901

29. Thu nhập khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu nhập từ dự án Savico-Vinaland	2.244.645.000	2.244.645.000
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	3.797.040.000	-
Thu nhập khác	2.581.112.715	1.168.686.469
	<hr/> 8.622.797.715	<hr/> 3.413.331.469

Thu nhập từ dự án Savico-Vinaland liên quan đến lãi do đánh giá quyền khai thác dự án đem góp vốn vào Công ty TNHH Savico -Vinaland, một công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	5.358.816.548	8.592.848.720
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	922.943.745
	<hr/> 5.358.816.548	<hr/> 9.515.792.465
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(8.101.829.354)	(559.115.827)
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	559.115.826	6.614.006.787
Lỗi tính thuế mang sang được sử dụng/(ghi nhận)	6.673.670.715	(10.343.542.460)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
	<hr/> (869.042.813)	<hr/> 2.021.867.197
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> 4.489.773.735	<hr/> 11.537.659.662

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	59.914.548.267	38.097.109.594
	<hr/> 14.978.637.067	<hr/> 9.524.277.399
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	14.978.637.067	9.524.277.399
Chi phí không được khấu trừ thuế	102.722.069	65.856.319
Thu nhập không chịu thuế	(6.340.790.967)	(2.978.897.431)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.250.794.434)	(2.307.039.067)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	922.943.745
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	6.310.518.697
	<hr/> 4.489.773.735	<hr/> 11.537.659.662

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm, từ năm 2007 đến năm 2011.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	55.424.774.532	26.559.449.932

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24.995.572	20.139.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra tháng 8 năm 2009	-	73.687
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009	-	772.422
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	(7.263)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 7 năm 2010	(882)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2010	(1.903)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	24.985.524	20.986.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

32. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức) (2009: 16.112 triệu VNĐ hay 8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009).

Hội đồng Quản trị của Công ty họp ngày 24 tháng 12 năm 2010 đã quyết định chia cổ tức là 12.487 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 27 tháng 12 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.900.355.000	2.101.842.000
Thành viên Ban Giám đốc	689.063.000	953.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	122.800.000	92.000.000
	3.712.218.000	3.146.842.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2010	2009
			VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn	Công ty con	Nhận cổ tức từ công ty con	630.000.000	537.180.000
		Mua hàng hóa từ công ty con	2.271.595.273	4.953.831.815
		Góp vốn	700.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ bán lẻ tự động Savico	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	-	140.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Tiền thuê thu từ công ty con	2.608.383.881	1.200.000.000
		Cổ tức nhận từ công ty con	4.759.004.117	3.383.250.000
		Trả lãi	17.500.000	-
		Vay công ty con	1.500.000.000	-
		Góp vốn kinh doanh	1.375.754.117	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty Cổ phần Ngôi Sao Sài Gòn	Công ty con	Nhận cổ tức từ công ty con	1.437.939.930	990.006.000
		Tiền thuê thu từ công ty con	421.788.000	1.301.158.000
		Chi phí lãi vay phải trả cho công ty con	-	56.056.355
		Mua hàng hóa từ công ty con	4.635.743.682	-
		Hoa hồng nhận từ công ty con	1.625.614.000	-
		Chi trả lãi vay	15.116.111	-
		Lãi vay đã thu	22.306.438	-
		Cho công ty con vay	2.000.000.000	-
		Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cho công ty con vay
Vay từ công ty con	10.000.000.000			-
Chi phí lãi vay trả cho công ty con	-			852.766.667
Lãi cho vay nhận được từ công ty con	1.207.500.000			-
Góp vốn	21.000.000.000			-
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Công ty con	Chi phí thuê thu từ công ty con	1.835.273.828	-
		Phí tư vấn thu từ công ty con	117.590.909	-
		Cho công ty con vay	3.000.000.000	-
		Chi phí trả thay cho công ty con	7.591.325	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Công ty con	Bán hàng hóa cho công ty con	10.948.915.027	-
		Phí tư vấn thu từ công ty con	7.319.295	-
		Mua hàng hóa từ công ty con	792.727.273	-
		Góp vốn	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	3.428.100.000	1.371.390.000
		Mua hàng từ công ty liên kết	-	922.307.388
		Bán hàng cho công ty liên kết	-	132.484.000
		Vay công ty liên kết	20.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty liên doanh Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Chi phí thuê thu từ công ty liên kết	2.438.455.970	2.184.202.774
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	400.565.332 1.330.595.500	448.000.000 1.652.773.650
Công ty Cổ Phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	783.062.026	1.819.647.182
Công ty TNHH Savico-Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn thu từ công ty liên kết Phí thuê thu từ công ty liên kết Trả thay công ty liên kết Phải trả khác thay cho công ty liên kết	1.713.986.163 1.342.925.760 15.000.000.000 23.473.560	3.156.603.624 - - -

34. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	6.065.233.038	5.187.243.942
Từ hai đến năm năm	20.814.700.128	6.741.108.489
Trên năm năm	10.800.348.666	12.404.123.932
	37.680.281.832	24.332.476.363

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	111.403.888.600	60.836.594.775
Chi phí nhân công và nhân viên	14.462.402.374	15.750.904.063
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.514.053.105	4.826.326.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.136.850.621	23.500.142.276
Các chi phí khác	11.647.816.068	15.963.556.685

36. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2009	31/12/2009
	(Phân loại lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
	VNĐ	VNĐ
Phải trả khác	39.071.668.171	42.509.184.990
Nợ dài hạn khác	138.244.946.276	292.613.014.599
Doanh thu chưa thực hiện	157.805.585.142	-

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 18 tháng 3 năm 2011